

Bản án số: 23/2018/HS-ST

Ngày 21- 3- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Mạo

Bà Hoàng Thị Thào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ưu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Trọng Hữu- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Nông Quốc C sinh ngày 10 tháng 10 năm 1983 tại huyện B, tỉnh Bắc K.

Nơi cư trú: Thôn Bản Pjạc xã Q, huyện B, tỉnh Bắc K; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Nông Quốc H và bà Ma Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Lệnh số 08 ngày 15/01/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B. Có mặt.

- Người bị hại:

Ông Nông Dương T – SN 1969. Trú tại Thôn B, xã , huyện B, tỉnh Bắc K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 03/01/2018, Nông Quốc C đi xe máy từ nhà mình ra nhà ông Đồng Văn Y ở ngã ba thôn Bản Pjạc, xã Q, huyện B mua thuốc lá. Sau khi mua được thuốc lá, C nhìn sang nhà ông Nông Dương T (đối diện nhà ông Y) thấy cửa mở nên đi sang chơi. Vào đến trong nhà ông T, C đi đến bàn uống nước ở cạnh giường ngủ (bên phải cửa ra vào), C định ngồi xuống giường thì thấy một chiếc áo khoác để ở trên giường, C cầm chiếc áo đặt ra chỗ khác để lấy chỗ ngồi thì phát hiện trong túi áo có một chiếc ví nên đã lấy ra xem và thấy bên trong có nhiều tờ tiền với nhiều loại mệnh giá khác nhau, thấy không có ai ở trong nhà, C nảy sinh ý định lấy trộm tiền nên đã rút lấy 08 tờ tiền đều có mệnh giá 500.000 đồng (tổng cộng là 4.000.000 đồng) rồi cho tiền vào túi quần của mình. Sau đó, C cho chiếc ví vào trong túi áo và để chiếc áo vào vị trí cũ rồi đi ra khỏi nhà ông T, lấy xe máy đi về nhà mình luôn.

Bị hại ông Nông Dương T (Sinh năm 1969. Trú tại: Thôn Bản Pjạc, xã Quảng Khê, huyện Ba Bể) khai: Khoảng 18 giờ ngày 03/01/2018, T để trên giường ngủ được kê ở cạnh bàn uống nước trong nhà mình một chiếc áo khoác bên trong túi áo có ví tiền rồi cùng mọi người khiêng lợn ở sân trước cửa nhà ra đằng sau nhà. Sau khi khiêng lợn xong thì có anh Nông Văn Biện (là em trai ruột) đến trả tiền thịt lợn đã mua trước đó, ông Tuyến lấy ví ra để lấy tiền lẻ bù cho Biện thì phát hiện bị mất 08 tờ tiền đều có mệnh giá 500.000 đồng (tổng số tiền bị mất là 4.000.000 đồng). Sau đó ông Tuyến đã trình báo Công an xã Quảng Khê, huyện Ba Bể về sự việc bị mất trộm tiền của mình. Hiện nay, ông Nông Dương Tuyến đã nhận lại được toàn bộ số tiền bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nông Quốc C khai nhận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 03/01/2018, C đi vào nhà ông Nông Dương T (trú tại thôn Bản Pjạc, xã Quảng Khê, huyện Ba Bể) chơi. Vào đến trong nhà thì không thấy ai ở, khi đang định ngồi xuống uống nước thì thấy một chiếc áo khoác để ở trên giường, C cầm chiếc áo đặt ra chỗ khác để lấy chỗ ngồi uống nước thì phát hiện trong túi áo ngực có một chiếc ví. C lấy chiếc ví ra xem và thấy bên trong có nhiều tờ tiền với nhiều mệnh giá khác nhau nên nảy sinh ý định lấy trộm tiền, C đã rút lấy ở trong ví được mấy tờ tiền và bỏ vào túi quần của mình. Sau đó, C chuẩn cho chiếc ví vào trong túi áo rồi để chiếc áo vào vị trí cũ và đi về nhà mình luôn, C đếm được 08 tờ tiền đều có mệnh giá 500.000 đồng (tổng cộng là 4.000.000 đồng), C đã sử dụng hết 1.000.000 đồng. Đến ngày 04/01/2018, khi bị Công an xã Quảng Khê mời đến làm việc, C đã thừa nhận mình là người lấy trộm tiền của ông Tuyến, đồng thời cũng tự nguyện giao nộp cho Công an số

tiền 3.000.000 đồng mà C cất giấu ở nhà, còn số tiền 1.000.000 đồng đã sử dụng, C đã trả lại cho ông Tuyền.

Như vậy, bị cáo Nông Quốc C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng của vụ án:

Số tiền 3.000.000 đồng thu giữ được của bị cáo, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại ông Nông Dương Tuyền.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Nông Dương Tuyền đã nhận lại tài sản (Số tiền 4.000.000 đồng) nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 06/KSĐT ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể đã truy tố đối với Nông Quốc C về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều luật có nội dung “*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...*”

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể trong phần luận tội đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 65/BLHS, xử phạt đối với bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng; về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có thu nhập và tài sản riêng, từ nhỏ đến giờ sống chung và phụ thuộc bố mẹ nên đề nghị không áp dụng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với quyết định truy tố và luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy mình đã vi phạm pháp luật và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa

bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nông Quốc C đã có hành vi trộm cắp tài sản của anh Nông Dương T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS thì *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..."*.

[3] Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trong khi bị cáo có đầy đủ năng lực về trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, việc truy tố và xét xử bị cáo về tội **"Trộm cắp tài sản"** theo quy định tại khoản 1 điều 173/BLHS và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức án và các vấn đề khác đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Về nhân thân: Nông Quốc C, sinh ra lớn lên được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12 thì ở nhà lao động tự do và sinh sống tại địa phương cho đến nay. Ngày 03/01/2018, có hành vi trộm cắp tài sản (tiền) của người khác tại thôn B, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc K, trước khi phạm tội bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy bản cáo trạng số 06/KSĐT ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể đã truy tố đối với Nông Quốc C về hành vi **"Trộm cắp tài sản"** theo quy định tại khoản 1 điều 173/BLHS là có căn cứ.

[7] Về các nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa gồm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173, Điều 65/BLHS xử phạt đối với bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội vẫn đảm bảo việc cải tạo và giáo dục đối với bị cáo. Vì vậy cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật; về

hình phạt bổ sung, do bị cáo không có thu nhập và tài sản riêng, từ nhỏ đến giờ sống chung và phụ thuộc bố mẹ nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS đối với bị cáo là phù hợp.

[8]Về vật chứng : Số tiền 3.000.000đ là tài sản của anh Nông Dương Tuyền, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Tuyền. Việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu của Cơ quan điều tra là phù hợp với quy định tại Điều 106 BLTTHS và Điều 47 BLHS.

[9]Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Nông Dương Tuyền đã nhận lại tài sản (Số tiền 4.000.000 đồng) nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136/BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* Bị cáo Nông Quốc C phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nông Quốc C 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nông Quốc C cho UBND xã Quảng Khê, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136/BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Nông Quốc C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên

tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Ba Bể (01b);
- Công an huyện Ba Bể (02b);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể
(Khi án có hiệu lực - 01b);
- Sở T- pháp;
- Ng- ời tham gia tố tụng(01b);
- L- u.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Tiến Đại

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Văn Mạo - Hoàng Thị Thào

Phạm Tiến Đại

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thânghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau: